

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 07-06-2022

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phát Lộc

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Phạm Ngọc Anh
2. Ông Nguyễn Quốc Thắng

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ tham gia phiên tòa: Ông Mạch Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 06 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2022/TLST-HNGĐ ngày 18/04/2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 24 tháng 05 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Phạm Văn B, sinh năm: 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 02, xã TH, huyện LM, tỉnh Hậu Giang

2. *Bị đơn:* Chị Phan Thị Cẩm T, sinh năm: 1998 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 02, xã TH, huyện LM, tỉnh Hậu Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 02/04/2022 và quá trình tố tụng nguyên đơn anh Phạm Văn B trình bày:

Anh Phạm Văn B và chị Phan Thị Cẩm T tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn năm 2017. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh

mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Do mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được nên anh B yêu cầu ly hôn với chị T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Trung T, sinh ngày 24/10/2013 hiện đang sống với anh B, anh B yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Phan Thị Cẩm T trình bày: Chị Phan Thị Cẩm T và anh Phạm Văn B tự nguyện kết hôn năm 2013 và đăng ký kết hôn năm 2017. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay anh B yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, chị T thống nhất ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Trung T, sinh ngày 24/10/2013 hiện đang sống với anh B, anh B yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chị T thống nhất theo yêu cầu anh B.

Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại tòa hôm nay, Thẩm phán - Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng. Đối với những người tham gia tố tụng thì chấp hành đúng quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử vẫn giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn; Về con chung anh B được trực tiếp nuôi dưỡng, chị T chưa phải cấp dưỡng nuôi con do anh B không yêu cầu; Về tài sản chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết; Nợ chung: Đương sự khai không có, nên không xem xét giải quyết; Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Phạm Văn B và bị đơn chị Phan Thị Cẩm T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn B và chị Phan Thị Cẩm T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào năm 2017 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn và bị đơn trình bày thì vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời

gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay anh B yêu cầu ly hôn, chị T thống nhất ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ, anh B yêu cầu ly hôn chị T thống nhất nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh B là có căn cứ.

[3] Về con chung: Anh B yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Phạm Trung T, sinh ngày 24/10/2013 và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chị T cũng thống nhất. Xét thấy, từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay cháu T sống với anh B nhằm để ổn định cuộc sống của cháu T nên Hội đồng xét xử giao cháu T cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng. Chị T chưa phải cấp dưỡng nuôi con do anh B không yêu cầu. Dành quyền thăm và chăm sóc con chung cho chị T, không ai có quyền cản trở.

[4] Về tài sản chung: Đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Từ những phân tích trên xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Các Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn B và chị Phan Thị Cẩm T được ly hôn

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Phạm Trung T, sinh ngày 24/10/2013 cho anh Phạm Văn B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu T trưởng thành (tròn 18

tuổi). Chị T chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm và chăm sóc con chung cho chị T, không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Đương sự khai không có, không ai yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Đương sự khai không có, không ai yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Phạm Văn B phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0006298 ngày 18/04/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LM. Anh B đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

6. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện LM;
- THA huyện LM;
- UBND xã (để theo dõi);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Phát Lộc